



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911552; Fax: (+84 24) 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

**YÊU CẦU CỤ THỂ TRONG VIỆC
CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN UTZ**
*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF
CB OPERATING UTZ CERTIFICATION*

Mã số/ Code: ARC.12

Lần ban hành/ Issue number: 3.00

Ngày ban hành/ Issue date: 02/01/2020

1. Mục đích

Tài liệu này đưa ra yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận UTZ (TCCN).

2. Tài liệu liên quan

- UTZ Assurance – Requirements for Certification Bodies
- UTZ Assurance – Certification Protocol

3. Yêu cầu về khách hàng của TCCN

TCCN phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

4. Yêu cầu về năng lực chuyên gia đánh giá của TCCN

Chuyên gia đánh giá của TCCN phải có trình độ Đại học trở lên.

5. Phạm vi công nhận và các chuẩn mực công nhận, chuẩn mực chứng nhận tương ứng

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các nhóm sản phẩm dưới đây:

1. Purpose

This document specifies the requirements for accreditation of UTZ certification bodies (CB).

2. Reference

- UTZ Assurance – Requirements for Certification Bodies
- UTZ Assurance – Certification Protocol

3. Requirements regarding clients of CB

CB shall complete the certification process for at least 01 client.

4. Requirements regarding competence of CB's auditors

CB's auditors shall be at least university graduated.

5. Scope of accreditation and relevant accreditation criteria, certification criteria

BoA grants accreditation for CBs according to the following product groups:

Phạm vi công nhận/ <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận/ <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận/ <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm/ <i>Scopes</i>	Lĩnh vực/ <i>Sub-scopes</i>		
Cà phê <i>Coffee</i>	Bộ nguyên tắc <i>Code of Conduct</i>	Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm/ <i>Core Code of Conduct for group and multi-group certification</i> Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận đơn lẻ và chứng nhận nhiều địa điểm/ <i>Core Code of Conduct for Individual and multi-site certification</i> Bộ nguyên tắc mô đun Cà phê/ <i>Code of Conduct – Coffee module</i>	ISO/IEC 17065 UTZ Assurance – Requirements for Certification Bodies UTZ Assurance – Certification Protocol
	Giám sát nguồn gốc <i>Chain of Custody</i>	Quy trình giám sát nguồn gốc + Phụ lục cho Cà phê/ <i>Chain of Custody Standard + Coffee Annex</i>	
Ca cao <i>Cocoa</i>	Bộ nguyên tắc <i>Code of Conduct</i>	Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm/ <i>Core Code of Conduct for group and multi-group certification</i> Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận đơn lẻ và chứng nhận nhiều địa điểm/ <i>Core Code of Conduct for Individual and multi-site certification</i> Bộ nguyên tắc mô đun Ca cao/ <i>Code of Conduct – Cocoa module</i>	UTZ Assurance – Requirements for Certification Bodies UTZ Assurance – Certification Protocol
	Giám sát nguồn gốc <i>Chain of Custody</i>	Quy trình giám sát nguồn gốc + Phụ lục cho Ca cao/ <i>Chain of Custody Standard + Cocoa Annex</i>	

Phạm vi công nhận/ <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận/ <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận/ <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm/ <i>Scopes</i>	Lĩnh vực/ <i>Sub-scopes</i>		
Chè <i>Tea</i>	Bộ nguyên tắc <i>Code of Conduct</i>	Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm/ <i>Core Code of Conduct for group and multi-group certification</i> Bộ nguyên tắc chung đối với chứng nhận đơn lẻ và chứng nhận nhiều địa điểm/ <i>Core Code of Conduct for Individual and multi-site certification</i> Bộ nguyên tắc mô đun Chè/ <i>Code of Conduct – Tea module</i>	ISO/IEC 17065 UTZ Assurance – Requirements for Certification Bodies UTZ Assurance – Certification Protocol
	Giám sát nguồn gốc <i>Chain of Custody</i>	Quy trình giám sát nguồn gốc + Phụ lục cho Chè/ <i>Chain of Custody Standard + Tea Annex</i>	

6. Yêu cầu về đánh giá chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận phải có năng lực kỹ thuật.

6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc cho mỗi nhóm đăng ký công nhận:

- Nếu lĩnh vực được chứng kiến là "Bộ nguyên tắc" thì có thể cấp công nhận cho cả hai lĩnh vực "Bộ nguyên tắc" và "Giám sát nguồn gốc";
- Nếu lĩnh vực được chứng kiến là "Giám sát nguồn gốc" thì chỉ có thể cấp công nhận cho lĩnh vực "Giám sát nguồn gốc".

6.2 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong một chu kỳ công nhận (bao gồm giám sát lần 1, giám sát lần 2 và công nhận lại):

- Phải chứng kiến tối thiểu 01 lĩnh vực "Giám sát nguồn gốc" trong phạm vi công nhận;
- Phải chứng kiến tất cả lĩnh vực "Bộ nguyên tắc" trong phạm vi công nhận.

Ngoài ra, trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các chuyên gia đánh giá khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau;
- Các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát, đánh giá tái chứng nhận).

6. Requirements regarding witnessing

In witnessing assessment, the assessment team shall have technical competence.

6.1 Witnessing for initial assessment

At least 01 witnessing shall be conducted for each applied scope:

- If the witnessed sub-scope is "Code of Conduct", accreditation can be granted for both sub-scopes ("Code of Conduct" and "Chain of Custody");
- If the witnessed sub-scope is "Chain of Custody", accreditation can only be granted for that "Chain of Custody" sub-scope.

6.2 Witnessing for maintaining of accreditation

In an accreditation cycle (meaning from 1st surveillance to reassessment):

- At least 01 accredited "Chain of Custody" sub-scope shall be witnessed;
- All the accredited "Code of Conduct" sub-scope shall be witnessed;

In addition, in an accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors;
- Different audited clients;
- Different types of audit (initial certification, surveillance and re-certification).

6.3 Chứng kiến để mở rộng phạm vi công nhận

Để mở rộng trong nhóm đã được công nhận:

- Phải chứng kiến khi mở rộng từ lĩnh vực "Giám sát nguồn gốc" sang "Bộ nguyên tắc";
- Không yêu cầu chứng kiến khi mở rộng từ lĩnh vực "Bộ nguyên tắc" sang "Giám sát nguồn gốc".

Để mở rộng sang nhóm chưa được công nhận: quy định về chứng kiến tương tự như đối với đánh giá công nhận lần đầu (mục 6.1).

7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận**6.3 Witnessing for extension of accreditation**

For extension within an accredited scope:

- Witnessing shall be conducted if sub-scope applied for extension is "Code of Conduct";
- Witnessing is not required if sub-scope applied for extension is "Chain of Custody".

For extension to a new scope: witnessing requirements are similar to those for initial accreditation (see 6.1).

7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu hệ thống (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i>	1 MD mỗi nhóm/ <i>each scope</i>
• Đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>
• Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i>	30% tổng thời lượng đánh giá <i>30% of total assessment time</i>
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ/ <i>Reviewing of assessment records</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	1 MD
• Các loại hình đánh giá khác/ <i>Other types of assessment</i>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note:* MD (manday) – Ngày công đánh giá